

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-01-2023
V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia
đình - xin ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Trường Chinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Phạm Phước Tâm**.
- Bà **Võ Thị Diệp**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Đào Kim Xoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 418/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 362/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/12/2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 356/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Trần Văn T** - sinh năm 1983; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị **Trần Thị Bích L** - sinh năm 1984; Nơi cư trú: Ấp A1, xã C2, huyện C3, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Theo đơn khởi kiện, lời khai tại tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Trần Thị Bích L qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hội Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 06/6/2019. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó thì xảy ra mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, chị L cũng không muốn tiếp tục sống sung với anh. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị L.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm Trần Thiện P - sinh ngày 01/10/2009 và Trần Triệu M - sinh ngày 17/5/2013; các con chung hiện đang sống với anh T. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, chị L cũng có yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, do đó anh cũng đồng ý giao các con chung cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn chị Trần Thị Bích L trình bày tại Tòa án như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L thống nhất với lời trình bày của anh T về quan hệ hôn nhân, nay tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T.

- Về con chung: Chị thống nhất vợ chồng có 02 con chung gồm Trần Thiện P - sinh ngày 01/10/2009 và Trần Triệu M - sinh ngày 17/5/2013. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định vợ chồng không có nợ chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu chứng cứ gồm:** Bản chính giấy chứng nhận kết hôn, Bản sao giấy khai sinh các con chung. Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được các đương sự thống nhất theo biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 16/12/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn T về việc ly hôn với chị Trần Thị Bích L, yêu cầu nuôi con chung và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn chị Trần Thị Bích L có hộ khẩu thường trú tại xã Tân Hội Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Bích L vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

[4] Căn cứ Bản chính giấy chứng nhận kết hôn số 58, quyển số I, ngày 03/6/2009 của Ủy ban nhân dân xã Tân Hội Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp thể hiện anh Trần Văn T và chị Trần Thị Bích L đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hội Trung vào ngày 03/6/2009, đã có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của anh T và chị L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giải thích, hòa giải, động viên các đương sự đoàn tụ gia đình, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, cả hai vợ chồng đều cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, vợ chồng đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và không còn sống chung với nhau nên tình cảm vợ chồng cũng không còn, không thể đoàn tụ được; do đó, anh T giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị L. Đối với bị đơn chị Trần Thị Bích L cho rằng trong khoảng thời gian chung sống, vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn quan tâm nhau nên tình cảm vợ chồng cũng không còn; do đó, chị L cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T.

[6] Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L có tồn tại mâu thuẫn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không đạt được mục đích như quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không thể kéo dài. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của anh T về việc xin ly hôn với chị L là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về con chung, anh T và chị L đều xác định vợ chồng có 02 con chung gồm Trần Thiện P - sinh ngày 01/10/2009 và Trần Triệu M - sinh ngày 17/5/2013, con chung hiện đang sống với anh T. Theo biên bản hòa giải ngày 16/12/2022, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Mặc dù tại phiên hòa giải anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên, tại văn bản đề ngày 12/01/2023 anh T đồng ý giao các con chung cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu.

[8] Tại các văn bản tự khai của các con chung đều có nguyện vọng được sống chung với anh T nhưng xét thấy việc quyết định giao con chung cho bên nào được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Xét về khả năng thu nhập, điều kiện sống cũng như chỗ ở của cả hai vợ chồng là như nhau. Tuy nhiên, anh T và chị L đã thống nhất giao các con chung cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng không ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của các con chung.

[9] Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp nên chấp nhận. Giao các con chung gồm Trần Thiện P - sinh ngày 01/10/2009 và Trần Triệu M - sinh ngày 17/5/2013 cho chị Trần Thị Bích L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[10] Về cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cấp dưỡng cho con. Đây là nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con; do đó, không phân

biệt người trực tiếp nuôi con có khả năng kinh tế hay không, người không trực tiếp nuôi con vẫn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con; do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[11] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị L đều trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[12] Về án phí: Nguyên đơn anh Trần Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T được ly hôn với chị Trần Thị Bích L.

2. Về con chung: Giao các con chung gồm Trần Thiện P - sinh ngày 01/10/2009 và Trần Triệu M - sinh ngày 17/5/2013 cho chị Trần Thị Bích L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị L đều xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009891 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy anh Trần Văn T đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cao Lãnh;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- CC THADS huyện Cao Lãnh;
- **UBND xã Tân Hội Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;**
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Trường Chinh